



CÂU HỎI ÔN TẬP VĂN HOÁ Doanh NGHIỆP

Văn hóa doanh nghiệp (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh)



Scan to open on Studocu

ÔN TẬP VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

1. Văn hoá là sự tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm với những nhu cầu đời sống sinh tồn:

A. Thích ứng ???

C. Đối phó

B. Thích nghi

D. Tất cả đều đúng

2. kinh tế xã hội quyết định ý thức xã hội

A. Cơ cấu

C. Tổ chức

B. Hình thái

D. Nền

3. Quan niệm về văn hoá qua các thời kì khác nhau bởi vì:

A. Trải qua thời đại khác nhau

B. Trải qua văn hoá khác nhau

C. Trải qua hình thái kinh tế khác nhau

D. Địa lý khác nhau

4. Toàn bộ những giá trị vật chất sáng tạo được thể hiện trong của cải vật chất do con người tạo ra như chùa chiền, bức tranh,... là:

A. Vật chất

B. Văn hoá vật thể và phi vật thể

C. Văn hoá phi vật thể

D. Văn hoá vật thể

5. Văn hoá có bao nhiêu đặc trưng nổi bật

- Tính tập quán
- Tính cộng đồng
- Tính dân tộc
- Tính chủ quan

- Tính khách quan
- Tính kế thừa
- Tính học hỏi
- Tính tiến hóa

A. 6 B. 7. C. 8 D. 9

6. Có bao nhiêu loại văn hoá cơ bản

A. Không có văn hoá nào cơ bản C. 2

B. 1 D. 3

7. Đây là đặc trưng của văn hoá nào: “Cùng một sự việc nhưng có thể được hiểu và đánh giá khác nhau bởi những người có nền văn hoá khác nhau”

A. VH mang tính cộng đồng

B. VH mang tính chủ quan

C. VH mang tính khách quan

D. VH có thể học hỏi

8. Đâu không phải là đặc trưng của văn hoá?

A. Tính tập quán

C. Tính Khách quan

B. Tính cổ truyền

D. Tính kế thừa

9. Văn hoá có bao nhiêu chức năng cơ bản

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

10. Đâu là chức năng của văn hoá?

A. Trình bày

B. Chứng minh lịch sử

C. Nhận thức

D. Làm đẹp dân tộc

11. “Con người luôn có nhu cầu giải trí bên cạnh lao động và các hoạt động sáng tạo thông qua sự giải trí bằng văn hoá giúp con người lao động sáng tạo với hiệu quả hơn và phát triển toàn diện” là chức năng nào của văn hoá?

A. Giáo dục

B. Sáng tạo

C. Phát triển

D. Giải trí

12. Đâu không phải “vai trò” của văn hoá?

A. Mục tiêu phát triển của xã hội

- B. Động lực phát triển xã hội
- C. Linh hồn và hệ điều tiết của phát triển

D. Được cấu thành từ Đối ngũ

13. Khi sự lãnh đạo hợp lý về kinh tế nhưng trái với văn hoá thì lợi ích thu được có thể không bù đắp được những thiệt hại, là nội dung vai trò nào của văn hoá?

A. Linh hồn và điều tiết của sự phát triển

- B. Động lực phát triển của xã hội
- C. Mục tiêu phát triển của xã hội
- D. Đối ngũ

14. Đặc trưng của văn hoá?

A. Chủ quan, khách quan, tập quán, đa dạng, dân tộc, kế thừa, học hỏi, tiến hoá

B. Tập quán, cộng đồng, dân tộc, chủ quan, khách quan, kế thừa, học hỏi, tiến hoá

C. Kế thừa, học hỏi, tiến hoá, chủ quan, khách quan, tập quán, cộng đồng, xã hội

D. Tập quán, cộng đồng, dân tộc, trọng yếu, khách quan, kế thừa, học hỏi, tiến hoá

15. là những chuẩn mực hành vi mà tất cả những con người trong tổ chức đó phải tuân theo hoặc bị chi phối?

A. Quy định công ty

C. Điều lệ công ty

B. Văn hoá tổ chức

D. Văn hoá nghề

16. Nguyên nhân dẫn tới sự khác nhau trong văn hoá của tổ chức?

A. Điều lệ công ty

C. Chuẩn mực hành vi

B. Văn hoá tổ chức

D. Nhiều cá nhân

17. Văn hoá nghề hay còn gọi là

A. Văn hoá ngành

C. Văn hoá nghề nghiệp

B. Văn hoá giới

D. Tất cả đều sai

18. Văn hoá kinh doanh là

A. Văn hoá doanh nhân
doanh

C. VH của 1 cộng đồng kinh

B. Một loại văn hoá nghề ???

D. Tất cả đều đúng

19. Văn hóa kinh doanh là những đặc trưng cơ bản để phân biệt giới kinh doanh này với

A. Văn hoá kinh doanh khác

B. Giới kinh doanh khác

C. Đội ngũ

D. Tất cả đều đúng

20. Có bao nhiêu góc nhìn cơ bản về văn hoá doanh nghiệp

A. Văn hoá doanh nghiệp không phân chia theo góc nhìn

B. 2 (nhân viên, lãnh đạo)

C. 3 (nhân viên, khách hàng, lãnh đạo)

D. 4 (đối thủ cạnh tranh, khách hàng, lãnh đạo)

21. Khái niệm “cái gì còn lại khi tất cả những thứ khác bị quên đi, cái đó là văn hoá” là của ai?

A. E. Heriot

C. E. Horiet

B. E. Herior

D. E. Hero

22. “VHDN là sự trộn lẫn đặc biệt các giá trị, các tiêu chuẩn, thói quen, truyền thống, những thái độ ứng xử, lễ nghi mà toàn bộ chúng là duy nhất đối với một tổ chức đã biết”. Khái niệm trên là của ai?

A. LIO

C. ILO

B. EDGAR SCHEIN

D. E. HERIOT

23. Điền vào dấu “...”

Theo GEORGE SAINTE MARIE: “VHDN là..... các giá trị biểu tượng huyền thoại, nghi thức, các biểu tượng, huyền thoại, nghi thức, các điều cấm kỵ, các quan điểm triết học, đạo đức tạo thành nền móng sâu xa của doanh nghiệp

A. Tổng hợp

C. Văn hoá của

B. Tập hợp

D. Tiêu chuẩn

24. Đặc điểm nào không thuộc văn hoá phương Tây

A. Thích khám phá, trình phục

B. Đề cao tính cộng đồng hay tập thể

C. Muốn trình phục tự nhiên

D. Coi trọng tính khách quan

25. Đặc điểm nào không thuộc văn hoá phương Tây

A. Thích khám phá, trình phục

C. Muốn chinh phục tự nhiên

B. Trọng tình, trọng nghĩa

D. Coi trọng tính khách quan

26. Loại hình văn hoá gốc chăn nuôi du mục thuộc văn hoá:

A. Phương Tây

C. Mỹ

B. Phương Đông

D. Tất cả đều đúng

27. Loại hình văn hoá gốc nông nghiệp trồng trọt thuộc văn hoá:

A. Phương Tây

C. Mỹ

B. Phương Đông

D. Tất cả đều đúng

28. Đặc điểm nào không thuộc văn hoá phương Đông

A. Đề cao tính cộng đồng

B. Sùng bái tự nhiên, mong muốn hoà hợp tự nhiên

C. Thiên về tư duy kinh nghiệm, nặng chủ quan, cảm tính

D. Đề cao tính cá nhân riêng biệt

29. Đặc điểm nào không thuộc văn hoá phương Đông

- A. Đề cao tính cộng đồng
- B. Trọng tình trọng nghĩa
- C. Thiên về tư duy tổng hợp, coi trọng các mối quan hệ

D. Trọng lý

30. Theo văn hoá Nhật Bản thì điều tối quan trọng nhất là

- A. Tự do C. Bỏ phân với chủ hoặc công việc
- B. An toàn trong gia đình D. Tất cả đều đúng

31. Theo văn hoá Nhật Bản thì điều tối quan trọng nhất trong công việc là

- A. Sự cống hiến C. Chất lượng
- B. Tạo ra sản phẩm (Được việc) D. Được lòng cấp trên

32. Bản sắc văn hoá Việt Nam không dựa trên

- A. Văn hoá vật chất
- B. Văn hoá tổ chức xã hội
- C. Văn hoá tinh thần

D. Phương thức sản xuất công nghiệp hiện đại

33. Đặc trưng gốc của bản sắc văn hoá Việt Nam dựa trên

A. Phương thức sản xuất nông nghiệp hay lúa nước

- B. Phương thức sản xuất công nghiệp
- C. Dịch vụ. => *Hiện nay đang hướng tới*
- D. Tất cả đều đúng

34. Văn hoá Việt Nam trong 1000 năm sau công nguyên là nền văn hoá

- A. Lúa nước và đạo giáo
- B. Công nghiệp nhỏ, nho giáo, phật giáo
- C. Dịch vụ, nho giáo, phật giáo, đạo giáo

D. Lúa nước, nho giáo, phật giáo, đạo giáo

35. VHDN là toàn bộ những.... được doanh nghiệp tạo ra, chọn lọc và lưu truyền qua các thế hệ, được sử dụng và biểu hiện trong hoạt động kinh doanh, tạo nên bản sắc kinh doanh của doanh nghiệp. Dấu “....” là

- A. Nét đẹp kinh doanh
- B. Yếu tố văn hoá vật thể
- C. Yếu tố văn hoá phi vật thể
- D. B và C đúng**

36. Đặc trưng của văn hoá?

- A. Chủ quan, khách quan, tập quán, ~~đa dạng~~, dân tộc, kế thừa, học hỏi, tiến hoá
- B. Tập quán, cộng đồng, dân tộc, chủ quan, khách quan, kế thừa, học hỏi, tiến hoá**
- C. Kế thừa, học hỏi, tiến hoá, chủ quan, khách quan, tập quán, cộng đồng, ~~xã hội~~
- D. Tập quán, cộng đồng, dân tộc, ~~trọng yếu~~, khách quan, kế thừa, học hỏi, tiến hoá

37. Chức năng của văn hoá?

- A. Bồi dưỡng, sáng tạo, thẩm mỹ, giá trị
- B. Giáo dục, nhận thức, thẩm mỹ, giải trí**
- C. Giáo dục, nghiên cứu, hoà nhập, giải trí
- D. Giáo dục, nhận thức, liên lạc, giải trí

38. Văn hoá (organizational culture) là những đặc trưng cơ bản bản để phân biệt.....này với..... khác

- A. Công ty
- B. Đơn vị
- C. Mô hình
- D. Tổ chức**

39. VHDN là yếu tố quan trọng cấu thành nên của một doanh nghiệp

- A. Hạ tầng
- B. Công nghệ
- C. Vốn
- D. Đội ngũ**

40. Tài sản quý giá nhất của một doanh nghiệp không phải là con người mà là....., con người thì doanh nghiệp nào cũng có nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng có.

- A. Đội ngũ**
- B. Vốn
- C. Công nghệ
- D. Hạ tầng

41. Mức độ phát triển của xã hội được đánh giá qua chỉ số cơ bản nào

A. CDP/người

C. Tỷ lệ người biết chữ

B. Tuổi thọ bình quân

D. Cả 3 câu trên

42. Khi nói đến các loại hình văn hoá, chúng ta có thể phân chia thành

A. 3 cấp

C. 4 chức năng

B. 5 bậc thang

D. Vật thể - Phi vật thể

43. Mỗi tổ chức khác nhau sẽ có..... khác nhau do đó sẽ có văn hoá khác nhau

A. Công ty

C. Mô hình

B. Chuẩn mực hành vi

D. Cách tổ chức

44. Không có văn hoá thì không có....., không có..... thì không có tài sản quý giá nhất của doanh nghiệp

A. Hạ tầng

C. Công nghệ

B. Đội ngũ

D. Vốn

45. Vai trò của văn hoá

A. Mục tiêu, động lực, linh hồn của doanh nghiệp

B. Mục tiêu, động lực, linh hồn của nhân loại

C. Mục tiêu, động lực, linh hồn của xã hội. ???

D. Mục tiêu, động lực, linh hồn của quốc gia

46. Văn hoá..... tiếng anh là Industry culture

A. Ngành

C. Kinh doanh

B. Nghề

D. Tất cả đều sai

47. Văn hoá kinh doanh (Business society culture) là một loại văn hoá.....

A. Ngành

C. Kinh doanh

B. Nghề

D. Tất cả đều sai

48. Yếu tố nào không cấu thành văn hoá kinh doanh?

A. Triết lý kinh doanh

B. Vốn pháp định

C. Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp

D. Ứng xử kinh doanh

49. Walmart không cho rằng giá trị cốt lõi của văn hoá kinh doanh là:

A. Tôn trọng từng cá nhân

C. Phục vụ khách hàng

B. Tập trung vào chất lượng

D. Hướng đến sự hoàn hảo

50. Điều không phải là đặc điểm cơ bản cốt lõi của VHDN

A. Đổi mới sáng tạo và chấp nhận

C. Định hướng kết quả

B. Chú ý tới từng tiêu chuẩn

D. Định hướng con người

51. Thompson & Luthans, 1990 không cho rằng VHTC tích cực:

A. Sẽ làm gia tăng sự gắn kết và hợp tác của đội ngũ nhân viên

B. Sẽ làm hiệu quả của tổ chức được nâng cao

C. Sẽ làm năng suất lao động tăng

D. Sẽ làm lợi nhuận tăng

52. Văn hoá của cá nhân một doanh nhân thường được gọi là văn hoá

A. Lãnh đạo

C. Cộng đồng

B. Doanh nhân

D. Tất cả đều sai

53. Văn hoá của giới luật sư gọi là văn hoá

A. Kinh doanh

C. Ngành

B. Nghề

D. Tất cả đều sai

54. Văn hoá của người trong lĩnh vực bảo hiểm là một loại văn hoá

A. Nghề

C. Giới khác

B. Ngành

D. Tất cả đều sai

55. VHDN có mấy cấp độ

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

56. VHDN dễ dàng thay đổi ở cấp độ nào?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

57. Cấp độ “các giá trị được tuyên bố” là cấp độ:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

58. Môi trường VHDN không lành mạnh sẽ ảnh hưởng đến..... và tác động tiêu cực đến.....

A. Tâm lý nhân viên và kết quả kinh doanh

B. Kết quả kinh doanh và tâm lý nhân viên

C. Kết quả kinh doanh và tâm lý kết quả kinh doanh

D. Tâm lý nhân viên và tâm lý nhân viên

59. Phát biểu nào không phù hợp với VHDN mạnh?

A. Có ảnh hưởng lớn đến hành vi của mỗi nhân viên

B. Nhân viên gắn bó và trung thành hơn, kết quả làm việc cao hơn

C. Tạo môi trường làm việc tốt

D. Nhân viên dễ dàng xin việc làm ở các doanh nghiệp khác

60. Theo Meyer & Allen (1991) Recardo & Jolly (1997) VHDN ảnh hưởng đến sự cam kết gắn bó của nhân viên, được mô hình hoá bởi 8 yếu tố nhưng không có yếu tố:

A. Giao tiếp trong tổ chức

C. Phần thưởng và sự công nhận

B. Tài chính

D. Hiệu quả của việc ra quyết

định

61. Doanh nghiệp có một nền văn hoá mạnh và phù hợp với mục tiêu và chiến lược thì:

A. Tạo ra niềm tự hào của nhân viên về DN, từ đó mọi người luôn sống phấn đấu và chiến đấu hết mình vì mục tiêu chung một cách tự nguyện

- B. Giúp cho lãnh đạo dễ dàng hơn trong việc quản lý doanh nghiệp
- C. Giúp cho nhân viên thoải mái và chủ động hơn trong việc định hướng cách nghĩ và cách làm của mình

D. Cả 3 câu trên đều đúng

62. ESPO USED VALUES thuộc cấp độ thứ mấy trong các cấp độ của VHDN

- A. 1 *B. 2* C. 3 4. Cả 3 đều sai

63. Cấp độ văn hoá nào có đặc điểm dễ thay đổi và ít khi thể hiện giá trị thực sự trong văn hoá doanh nghiệp

- A. Cấp độ 1* C. Cấp độ 3
- B. Cấp độ 2 D. Tất cả đều sai

64. Ở cấp độ nào các giá trị sẽ được tuyên bố và có tính hữu hình

- A. Cấp độ 1 C. Cấp độ 3
- B. Cấp độ 2* D. Đúng hết

65. Tác động của VHDN là

- A. Tạo ra lợi thế cạnh tranh *C. Câu A, B đúng*
- B. Tạo ra sự suy yếu D. Câu A, B sai

66. Một nền văn hoá tốt giúp doanh nghiệp thu hút..... và củng cố..... của nhân viên đối với doanh nghiệp

- A. Nhân tài, lòng trung thành* C. Nhân tài, vị thế
- B. Nhân lực, vị thế D. Nhân tài, tin tưởng

67. Thứ tự 5 nhu cầu của Maslow

- A. Sinh lý, an toàn, tôn trọng, xã hội, tự hoàn thiện
- B. Sinh lý, an toàn, xã hội, tôn trọng, tự hoàn thiện*
- C. An toàn, sinh lý, xã hội, tôn trọng, tự hoàn thiện
- D. An toàn, sinh lý, tôn trọng, xã hội, tự hoàn thiện

68. Sắp xếp đúng theo nhu cầu của Maslow bởi các giá trị sau (trợ cấp, lương cơ bản, bạn bè cơ quan, chức danh, thách thức trong công việc)

A. Lương cơ bản, trợ cấp, bạn bè cơ quan, chức danh, thách thức trong công việc

B. Trợ cấp, bạn bè cơ quan, lương cơ bản, chức danh, thách thức trong công việc

C. Trợ cấp, lương cơ bản, bạn bè cơ quan, chức danh, thách thức trong công việc

D. Lương cơ bản, trợ cấp, bạn bè cơ quan, thách thức trong công việc, chức danh

69. Cơ sở vật chất kỹ thuật là của doanh nghiệp, VHDN là..... của doanh nghiệp

A. Giá trị, giá trị

C. Phần xác, phần hồn

B. Tiền, tài sản

D. Tài sản, giá trị

70. Các doanh nghiệp không thể quản lý điều hành tốt mà không sử dụng

A. Nội quy => Nằm trong quy chế

C. Quy chế

B. Văn hoá

D. Đúng hết. ???

71. Ngoài xã hội, pháp luật và văn hoá xã hội là 2 công cụ quản lý quốc gia, còn trong doanh nghiệp, 2 công cụ quản lý đó là

A. Điều lệ, Văn hoá doanh nghiệp
nghịp

C. Nội quy, Văn hoá doanh

B. Quy chế, Văn hoá doanh nghiệp
nghịp

D. Mục tiêu, Văn hoá doanh

72. Điểm khác nhau giữa sử dụng Quy chế và Văn hoá doanh nghiệp trong công ty là

A. Quy chế bắt buộc, Văn hoá tự nguyện

B. Quy chế tự nguyện, Văn hoá bắt buộc

C. Quy chế và văn hoá không khác nhau

D. Quy chế có văn bản ban hành và văn hoá không có văn bản ban hành

=> Văn hoá có hoặc không có văn bản ban hành:

Ở cấp độ 1 (hữu hình: có thể có văn bản)

Ở cấp độ 2, 3 (vô hình: không có văn bản)

73. Doanh nghiệp có một nền văn hoá mạnh, phù hợp với mục tiêu và chiến lược thì

- A. Tạo ra niềm tự hào cho nhân viên
- B. Giúp lãnh đạo dễ dàng quản lý
- C. Giúp nhân viên thoải mái, chủ động

D. Tất cả đều đúng

74. Để tạo ra một nền văn hoá mang bản sắc riêng cho doanh nghiệp và tạo một dấu ấn cho khách hàng, các doanh nghiệp cần:

- A. Nâng cao tay nghề nhân viên
- B. Xây dựng VHDN ???
- C. Xây dựng thương hiệu riêng

D. Tất cả đều đúng

75. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá doanh nghiệp

- A. Văn hoá bộ tộc
- B. Nhà lãnh đạo
- C. Đội ngũ và giá trị tích lũy

D. Câu B và C đúng

76. Trong các mô hình VHDN thì mô hình nào là dân chủ nhất?

A. Cách tiếp cận từ dưới lên

- B. Cách tiếp cận từ trên xuống
- C. Cách tiếp cận từ điển hình tốt
- D. Cách tiếp cận từ nhóm, phòng, ban

77. Trong các mô hình VHDN thì mô hình nào là áp đặt?

A. Cách tiếp cận từ dưới lên

B. Cách tiếp cận từ trên xuống

- C. Cách tiếp cận từ điển hình tốt
- D. Cách tiếp cận từ nhóm, phòng, ban

78. Trong các mô hình VHDN thì mô hình nào là dễ được vận dụng hay chấp nhận nhất?

A. Cách tiếp cận từ dưới lên

B. Cách tiếp cận từ trên xuống

C. Cách tiếp cận từ điển hình tốt

79. Theo Rogger Harrison (1972), Charles Handy (1985), Văn hoá quyền lực không bao gồm:

A. Tập trung quyền lực

C. Quy định bất thành văn

B. Đề cao cộng đồng và tập thể

D. Trung thành với Sếp

80. Theo Rogger Harrison (1972), Charles Handy (1985), Văn hoá cá nhân không bao gồm:

A. Tự chủ và tự quyết cá nhân cao

B. Dung dưỡng sự phát triển cá nhân

C. Khả năng hợp tác và làm việc nhóm tốt

D. Coi trọng vai trò, vị trí cá nhân cao hơn tổ chức

81. Theo Rogger Harrison (1972), Charles Handy (1985), Văn hoá công việc không bao gồm:

A. Nỗ lực tập trung công việc, dự án

B. Chú trọng đến tự quyết cá nhân

C. Môi trường làm việc cao

D. Nhân viên linh hoạt với mức tự chủ cao

82. Các dạng VHDN của Deal & Kennedy không bao gồm:

A. Văn hoá nam nhi

B. Văn hoá làm ra làm/chơi ra chơi

C. Văn hoá phó thác

D. Văn hoá vai trò

83. Ở mức độ thấp có sự khác biệt ít về lương bổng, lao động chân tay được đánh giá ngang với lao động trí óc, ở cấp độ cao có nhiều cấp lãnh đạo, lao động trí óc được đánh giá cao hơn. Là đặc điểm của yếu tố nào sau đây?

A. Sự đối lập giữa chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể

B. Sự phân cấp quyền lực

C. Sự phân cấp trình độ

D. Sự phân cấp về giá trị thặng dư của lao động

84. Đặc điểm của Nam quyền và Nữ quyền ở cấp độ Nam quyền chi phối là:

A. Khác biệt giới tính, phụ nữ làm ít chuyên môn, doanh nghiệp không can thiệp vào cuộc sống riêng và sự phân biệt giới tính không đáng kể

B. Khác biệt giới tính không đáng kể, doanh nghiệp can thiệp vào cuộc sống riêng, công việc được coi là mối quan tâm

C. Phụ nữ tham gia vào chuyên môn nhiều, doanh nghiệp can thiệp vào cuộc sống riêng, công việc được coi là mối quan tâm

D. Khác biệt giới tính rõ ràng, phụ nữ ít làm công việc chuyên môn, công việc được coi là mối quan tâm chính

85. Sự phân cấp quyền lực ở mức độ thấp sẽ có đặc điểm:

A. Tập trung hoá thấp, mức độ phân quyền nhiều

B. Tập trung hoá thấp, mức độ phân quyền nhiều, có nhiều cấp lãnh đạo

C. Tập trung hoá cao, mức độ phân quyền ít, sự khác biệt lương bổng ít hơn

D. Tập trung hoá thấp, mức độ phân quyền ít, sự khác biệt lương bổng ít hơn

86. Sự đối lập giữa chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể ở mức độ cao có đặc điểm:

A. DN như 1 gia đình, DN bảo vệ lợi ích cho nhân viên

B. DN như 1 gia đình, các thông lệ được xây dựng dựa trên lòng trung thành

C. DN ít mang tính gia đình, nhân viên tự bảo vệ lợi ích cho mình

D. DN ít mang tính gia đình, các thông lệ được xây dựng dựa trên lòng trung thành

87. Các đặc điểm: phụ thuộc vào nhà sáng lập, giá trị văn hoá khác biệt đối thủ, thành quả của sự đúc kết trong quá trình phát triển, hiếm diễn ra sự thay đổi văn hoá doanh nghiệp là đặc điểm của giai đoạn nào trong các giai đoạn hình thành VHDN:

A. Giai đoạn non trẻ

C. Giai đoạn chính muôi và nguy cơ suy thoái

B. Giai đoạn giữa

D. Giai đoạn suy thoái

88. Có bao nhiêu giai đoạn hình thành văn hoá doanh nghiệp:

A. 3

B. 4

C. 5

D. Hình thành thì có 1 giai đoạn duy nhất

89. Các đặc điểm: DN không tiếp tục tăng trưởng do thị trường bão hoà, văn hoá xuất hiện tính lỗi thời là đặc điểm của giai đoạn nào trong các giai đoạn hình thành VHDN:

A. Giai đoạn non trẻ

C. Giai đoạn chính muôi và nguy cơ suy thoái

B. Giai đoạn giữa

D. Giai đoạn bão hoà

90. Những cách thay đổi văn hoá doanh nghiệp:

A. Phát huy những văn hoá tiêu biểu

C. Do các scandal

B. Áp dụng công nghệ mới

D. Đúng hết

91. Các dạng VHDN phân theo sự phân cấp quyền lực có mấy loại cơ bản:

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

92. Đâu không phải là các dạng VHDN phân theo sự phân cấp quyền lực:

A. Mô hình VH nguyên tắc

C. Mô hình VH quyền hạn

B. Mô hình VH đồng đội

D. Mô hình VH đôi ngũ

93. Các dạng VHDN phân theo cơ cấu và định hướng:

A. Văn hoá gia đình

C. Văn hoá kiểu tên lửa được định hướng

B. Văn hoá tháp EIFFEL

D. Cả 3 đúng hết

94. “Tổ chức như một lò ấp trứng để các thành viên tự hoàn thiện và bày tỏ bản thân, không có cơ cấu mang tính hình thức, thay đổi trong văn hoá thường nhanh và tự phát”, là đặc điểm của nội dung văn hoá nào:

A. Văn hoá gia đình

C. Văn hoá tháp EIFFEL

B. Văn hoá lò ấp trứng

D. Văn hoá theo kiểu tên lửa

95. Các dạng văn hoá phân theo mối quan tâm:

A. Văn hoá kiểu chăm sóc

C. Văn hoá hợp nhất

B. Văn hoá kiểu đòi hỏi nhiều

D. Tất cả

96. Có bao nhiêu bước xây dựng VHDN

A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

97. Xây dựng triết lý kinh doanh gồm:

A. Đúc kết từ kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, những nét văn hoá chung và đặc thù, những chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, tư tưởng và hành vi trong tổ chức

B. Bài hát, bản tuyên ngôn, phát biểu hội nghị, đại hội cổ đông

C. Đúc kết từ kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, những nét văn hoá chung và đặc thù, những chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, tư tưởng và hành vi ngoài tổ chức

D. Câu A, B đúng

98. Tính nhất quán của 1 DN được xây dựng dựa trên giá trị cốt lõi, sự đồng thuận về:

A. Biểu tượng thống nhất

C. Hợp tác và hội nhập

B. Chính sách nhất quán

D. Lãnh đạo từ trung tâm

99. Khả năng đáp ứng khách hàng nội bộ (các thành viên trong cùng tổ chức) là một phần của: (người ta yêu cầu)

A. Định hướng dài hạn

B. Khả năng thích ứng

C. Tham chính của nhân viên

D. Sự nhất quán trong tổ chức

100. Một nền văn hoá mạnh dựa trên một hệ thống những giá trị niềm tin và biểu tượng chung mà mọi người trong tổ chức đều thấu hiểu là biểu hiện của:

- A. Định hướng dài hạn
- B. Khả năng thích ứng**
- C. Tham chính của nhân viên
- D. Sự nhất quán trong tổ chức

1. Theo mô hình của Denison, sự thoả mãn của nhân viên phụ thuộc vào các giá trị sau đây trừ:

- A. Định hướng dài hạn
- B. Khả năng thích ứng
- C. Tham chính của nhân viên**
- D. Sự nhất quán trong tổ chức

2. Việc quản lý VHDN là trách nhiệm của

- A. Tất cả các nhà quản trị trong DN
- C. Phòng tổ chức hành chính

Nhà quản trị cấp thấp lo cho công việc của DN

Nhà quản trị cấp trung lo giám sát hoạt động của DN

- B. Lãnh đạo cấp cao**
- D. Phòng nhân sự

3. VHDN trong thế kỷ 21 sẽ phải đề cao các giá trị dưới đây trừ:

- A. Tập trung hoá**
- C. Cởi mở và trung thực
- B. Sẵn sàng chấp nhận rủi ro
- D. Phân quyền

4. Việc lãnh đạo tập trung cao vào các vấn đề không quan trọng, thông thường là do DN thiếu:

- A. Định hướng dài hạn
- B. Khả năng thích ứng
- C. Tham chính của nhân viên**
- D. Sự nhất quán trong tổ chức

5. Mục tiêu của tổ chức không có ý nghĩa với nhân viên thông thường là do DN thiếu:

- A. Định hướng dài hạn**
- B. Khả năng thích ứng
- C. Tham chính của nhân viên
- D. Sự nhất quán trong tổ chức

6. Việc DN quá tập trung vào các vấn đề nội bộ và gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nhân viên có ý tưởng mới, thường xuất phát từ nguyên nhân nào:

A. Thiếu định hướng dài hạn

B. Thiếu khả năng thích ứng

C. Thiếu tham chính của nhân viên

D. Thiếu sự nhất quán trong tổ chức

7. Nội dung định nghĩa khác nhau về văn hoá đều xoay quanh mối quan hệ gì?

A. Văn hoá và tự nhiên

C. Văn hoá và con người

B. Văn hoá và xã hội

D. Văn hoá và cá nhân

8. Nếu trong tổ chức, thành công trước đây tạo ra những rào cản cho thành công trong tương lai là do DN:

A. Thiếu định hướng dài hạn

B. Thiếu khả năng thích ứng

C. Thiếu tham chính của nhân viên

D. Thiếu sự nhất quán trong tổ chức

9. Văn hoá Phương Đông là khu vực bao gồm châu lục nào?

A. Châu Á, Châu Âu, Châu Úc

C. Châu á, Châu Phi, Châu Úc

B. Châu Á, Châu Phi, Châu Âu

D. Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ

10. Chức năng nào của văn hoá được xem như là một thứ “gien” xã hội di truyền phẩm chất con người lại cho các thế hệ mai sau?

A. Chức năng giao tiếp

C. Chức năng điều chỉnh xã hội

B. Chức năng tổ chức xã hội

D. Chức năng giáo dục

11. Chức năng nào của văn hoá được xem như sợi dây nối liền giữa con người với con người?

A. Chức năng điều chỉnh xã hội

C. Chức năng giao tiếp

B. Chức năng tổ chức xã hội

D. Chức năng giáo dục

12. Chức năng điều chỉnh xã hội tương ứng với đặc trưng nào của văn hoá

A. Tính lịch sử

C. Tính nhân sinh

B. Tính giá trị

D. Tính hệ thống

13. Đặc trưng nào là đặc trưng hàng đầu của văn hoá?

A. Tính hệ thống

C. Tính giá trị

B. Tính nhân sinh

D. Tính lịch sử

14. Yếu tố nào sau đây mang tính quốc tế?

A. Văn hoá

B. Văn hiến

C. Văn minh

D. Văn vật

15. Chức năng nào của văn hoá giúp xã hội định hướng các chuẩn mực và làm động lực cho sự phát triển?

A. Chức năng tổ chức xã hội

C. Chức năng giao tiếp

B. Chức năng điều chỉnh xã hội

D. Chức năng giáo dục

16. Chức năng điều chỉnh của văn hoá thể hiện ở:

A. Hình thành trong một quá trình dài và tích lũy qua nhiều thế hệ

B. Giúp cho xã hội được trạng thái cân bằng động, không ngừng tự hoàn thiện, động lực cho sự phát triển của xã hội

C. Bảo đảm tính kế tục lịch sử của văn hoá

D. Làm tăng độ ổn định, là nền tảng của xã hội

17. Chức năng tổ chức của văn hoá thể hiện ở:

A. Hình thành trong một quá trình dài và tích lũy qua nhiều thế hệ

B. Giúp cho xã hội được trạng thái cân bằng động, không ngừng tự hoàn thiện, động lực cho sự phát triển của xã hội

C. Bảo đảm tính kế tục lịch sử của văn hoá

D. Làm tăng độ ổn định, là nền tảng của xã hội

18. Văn minh là khái niệm:

- A. Thiên về giá trị tinh thần và chỉ trình độ phát triển
- B. Thiên về giá trị tinh thần và có bề dày lịch sử
- C. Thiên về giá trị vật chất và có bề dày lịch sử

D. Thiên về giá trị vật chất – kỹ thuật và chỉ trình độ phát triển

19. Xét về giá trị, sự khác nhau giữa văn hoá và văn minh là:

A. Văn hoá gắn với phương Đông nông nghiệp, văn minh gắn với phương Tây đô thị

- B. Văn minh chỉ trình độ phát triển, còn văn hoá có bề dày lịch sử

C. Văn minh thiên về vật chất – kỹ thuật, còn văn hoá thiên về vật chất lẫn tinh thần

- D. Văn hoá mang tính dân tộc, văn minh mang tính quốc tế

20. Các yếu tố văn hoá truyền thống lâu đời và tốt đẹp của dân tộc, thiên về giá trị tinh thần gọi là:

A. Văn hoá

C. Văn minh

B. Văn vật

D. Văn hiến

21. Văn vật là khái niệm:

- A. Thiên về vật chất, có bề dày lịch sử, có tính quốc tế
- B. Thiên về vật chất và tinh thần, có bề dày lịch sử, có tính dân tộc

C. Thiên về tinh thần, có bề dày lịch sử, có tính dân tộc

- D. Thiên về vật chất và tinh thần, có bề dày lịch sử, có tính quốc tế

22. Sự đa dạng của môi trường tự nhiên và sự đa dạng của các tộc người trong thành phần dân tộc đã tạo nên đặc điểm gì của văn hoá Việt Nam?

A. Mỗi vùng VH có một bản sắc riêng, có tính thống nhất trong sự đa dạng

B. Bản sắc chung của VH

C. Sự tương đồng giữa các vùng VH

D. Sự khác biệt giữa các vùng VH

23. Cư dân Đông Nam Á coi trọng thiên nhiên vì thiên nhiên có tác động trực tiếp đến:

A. Sức khỏe, thức ăn

C. Địa lý

B. Nghề nghiệp, sức khỏe, nơi cư trú

D. Tính cách của họ

24. Trong sự giao lưu rộng rãi với các nền văn hoá Đông Tây, văn hoá Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hoá nào?

A. Ấn Độ

B. Trung hoa

C. Âu

D. Pháp

25. Môi trường kinh doanh bên trong của DN là:

A. Các yếu tố vật chất

C. Văn hoá của tổ chức DN

B. Các yếu tố tinh thần

D. Tất cả

26. Trong lối nhận thức, tư duy, loại hình văn hoá gốc nông nghiệp có đặc điểm:

A. Tư duy thiên về phân tích và trọng yếu tố; cách nhìn thiên về chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm

B. Tư duy thiên về tổng hợp và biện chứng; cách nhìn thiên về chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm

C. Tư duy thiên về tổng hợp và trọng yếu tố; cách nhìn thiên về chủ quan, lý tính và kinh nghiệm

D. Tư duy thiên về tổng hợp và biện chứng; cách nhìn thiên về khách quan, cảm tính và thực nghiệm

27. Câu sai khi nói về các dạng VHDN của Quinn và McGrath?

A. Văn hoá kinh tế

C. Văn hoá làm ra làm, chơi ra chơi

B. Văn hoá triết lý

D. Văn hoá thứ bậc

28. Câu sai khi nói về các đặc trưng phi trực quan của VHDN?

A. Các đặc trưng phi trực quan của VHDN bao gồm lý tưởng, niềm tin, thái độ

B. Các đặc trưng phi trực quan của VHDN bao gồm lý tưởng, thái độ, lịch sử phát triển

C. Các đặc trưng phi trực quan của VHDN bao gồm lý tưởng, lịch sử phát triển, truyền thống văn hoá

D. Các đặc trưng phi trực quan của VHDN bao gồm lý tưởng, nghi lễ, niềm tin

29. Đạo đức kinh doanh được xem xét trong quan hệ với các đối tượng hữu quan chủ yếu nào?

A. Chủ sở hữu và người lao động

B. Khách hàng và đối thủ cạnh tranh

C. Chủ sở hữu và đối thủ cạnh tranh

D. Chủ sở hữu và người lao động, Khách hàng và đối thủ cạnh tranh

30. Văn hoá nào không thuộc về các dạng VHDN của Harrion/Handy?

A. Văn hoá vai trò

C. Văn hoá cá nhân

B. Văn hoá quyền lực

D. Văn hoá quy trình

31. Văn hoá nào là một dạng văn hoá của Daft?

A. Tiến triển

C. Quyền lực

B. Thích ứng

D. Phó thác

32. . Văn hoá nào là một dạng VHDN của Harrion/Handy?

A. Vai trò

C. Sứ mệnh

B. Quy trình

D. Hiệp lực

33. Văn hoá nào không thuộc về các dạng VHDN của Scholz?

A. Văn hoá tiến triển

C. Văn hoá hoà nhập

B. Văn hoá nội sinh

D. Văn hoá ngoại sinh

34. Các khía cạnh văn hoá cần lưu ý trong xây dựng các thành tố thương hiệu:

- A. Đặt tên thương hiệu, xây dựng logo thương hiệu
- B. Xây dựng logo thương hiệu, xây dựng câu khẩu hiệu
- C. Xây dựng câu khẩu hiệu, xây dựng logo thương hiệu, quảng cáo

D. Đặt tên thương hiệu, xây dựng logo thương hiệu, xây dựng tính cách thương hiệu, xây dựng câu khẩu hiệu

35. Đặc điểm lao động chủ yếu của doanh nhân:

- A. Lao động trí óc
- B. Lao động quản lý kinh doanh
- C. Lao động của nhà sư phạm
- D. Lao động của nhà hoạt động xã hội

36. Những chuẩn bị cần thiết của doanh nhân

- A. Nghiên cứu thị trường
- C. Tìm kiếm cơ hội kinh doanh
- B. Chuẩn bị vốn, nhân lực
- D. Kinh nghiệm, kiến thức, quyết đoán

37. Lãnh đạo trong DN có thể ảnh hưởng tới VHDN bằng cách:

- A. Đưa vào DN nhiều tư tưởng, quan niệm
- B. Thiết lập văn hoá khởi thủy có tính bền vững, khó thay đổi
- C. Tác động tới người bị lãnh đạo, thực hiện theo ý muốn của người lãnh đạo
- D. Cả 3 ý trên

38. Lãnh đạo hiệu quả nhất là lãnh đạo thành công về:

- A. Chiến lược và con người
- B. Chiến lược, con người và VHDN
- C. Chiến lược, con người, hệ thống quản lý và VHDN
- D. Tất cả

39. Lãnh đạo định hình VHDN nhưng không bao gồm:

- A. Hoài bão, sứ mệnh, chính sách

B. Mục tiêu, chiến lược dài hạn

C. Tầng sâu của VHDN

D. Xây dựng các thủ tục quy trình trong DN

40. Lãnh đạo quan tâm đến sự cảm nhận VHDN của hai nhóm đối tượng:

A. Bên ngoài của DN: bằng lòng về đặc trưng văn hoá của DN

B. Nhân viên: Hạnh phúc về những chuẩn mực hành vi của DN và tự hào vì mình là thành viên của DN

C. Lợi nhuận hay giá trị cổ phiếu tăng lên hàng năm

D. Câu A và B đúng

41. Đối tượng điều chỉnh của đạo đức kinh doanh là:

A. Tầng lớp doanh nhân làm nghề kinh doanh

B. Khách hàng của doanh nhân

C. Các chủ thể hoạt động kinh doanh

D. Đối thủ cạnh tranh của DN

42. Xu hướng phục tùng những người đem lại quyền lợi, giải quyết nguyện vọng là nguyên tắc chính lãnh đạo về:

A. Đảm bảo kết hợp hài hoà giữa các mục tiêu

B. Thoả mãn nhu cầu và mong muốn của nhân viên

C. Làm việc theo chức trách và quyền hạn

D. Ủy quyền và uỷ nhiệm

43. Các nguyên tắc và chuẩn mực của đạo đức kinh doanh là:

A. Tính trung thực, tôn trọng con người, gắn lợi ích của DN với lợi ích của KH và xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội

B. Tính trung thực, tôn trọng con người, gắn lợi ích của DN với lợi ích của KH và xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội, bí mật và trung thành với các trách nhiệm đặc biệt

C. Tính trung thực, tôn trọng con người, gắn lợi ích của DN với lợi ích của KH và xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội, bí mật và trung thành với các trách nhiệm đặc biệt

D. Tính trung thực, gắn lợi ích của DN với lợi ích của KH và xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội, coi trọng hiệu quả gắn với trách nhiệm xã hội, bí mật và trung thành với các trách nhiệm đặc biệt

44. Văn hoá trong quảng bá thương hiệu thuộc:

A. Văn hoá trong hoạt động marketing

B. Văn hoá trong xây dựng và phát triển thương hiệu

C. Văn hoá trong ứng xử nội bộ

D. Văn hoá trong đàm phán và thương lượng

CHƯƠNG 3:

NHU CẦU: PHÂN CỨNG SP

YÊU CẦU: VỪA NHU CẦU + SỰ MONG ĐỢI (NHU CẦU VỀ PHẦN MỀM SP)

45. Hoạt động tài chính kế toán đạo đức được biểu hiện như thế nào?

A. Cho mượn danh kiểm toán viên để hành nghề

B. Liêm chính, khách quan, độc lập, cẩn thận

C. Giảm giá dịch vụ khi công ty kiểm toán nhận một hợp đồng cung cấp dịch vụ với mức chi phí thấp hơn nhiều so với mức chi phí của công ty kiểm toán trước đó

D. Điều chỉnh số liệu trong bảng cân đối kế toán

46. Đạo đức chủ yếu trong các chức năng của DN không bao gồm:

A. Đạo đức trong quản trị nguồn nhân lực

B. Đạo đức trong marketing

C. Đạo đức trong hoạt động kế toán, tài chính

D. Đạo đức trong công nghệ kỹ thuật

47. Câu nào sai?

A. Đạo đức là tập hợp các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh, đánh giá hành vi của con người đối với bản thân và trong quan hệ với người khác, với xã hội

B. Đạo đức là một bộ môn khoa học nghiên cứu và bản chất tự nhiên của cái đúng – cái sai và phân biệt khi lựa chọn giữa cái đúng – cái sai

C. Đạo đức quy định thái độ, nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người đối với bản thân cũng như đối với người khác và xã hội

D. Đạo đức là khuôn mẫu, tiêu chuẩn để xây dựng lối sống, lý tưởng con người

Xã hội âm tính là xã hội mà trong đó vai trò của nam và nữ tương tự nhau

Chiều văn hoá này nói lên mức độ xã hội chấp nhận hay không chấp nhận quyền lực truyền thống của người đàn ông

Xã hội dương tính là xã hội mà trong đó đàn ông có xu hướng thống trị trong phần lớn cấu trúc quyền lực gia đình và xã hội

1. Tín ngưỡng, phong tục... là những yếu tố thuộc thành tố văn hoá nào?

A. Văn hoá nhận thức

nhiên

C. Văn hoá ứng xử với môi trường tự

B. Văn hoá tổ chức cộng đồng

hội

D. Văn hoá ứng xử với môi trường xã

2. Văn hoá giao tiếp là yếu tố thuộc thành tố văn hoá nào?

A. Văn hoá nhận thức

nhiên

C. Văn hoá ứng xử với môi trường tự

B. Văn hoá tổ chức cộng đồng

hội

D. Văn hoá ứng xử với môi trường xã

3. Theo GS. Trần Ngọc Thêm, ăn mặc, ở, đi lại là những yếu tố thuộc thành tố văn hoá nào?

A. Văn hoá nhận thức
nhiên

C. Văn hoá ứng xử với môi trường tự

B. Văn hoá tổ chức cộng đồng
hội

D. Văn hoá ứng xử với môi trường xã

4. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc trưng của loại hình văn hoá gốc nông nghiệp?

A. Con người luôn có tham vọng chinh phục tự nhiên

B. Con người ưa sống theo nguyên tắc trọng tình

C. Lối sống linh hoạt, luôn biến hoá cho thích hợp với hoàn cảnh

D. Con người có ý thức tôn trọng và ước vọng hoà hợp với tự nhiên

5. Lối ứng xử năng động và linh hoạt giúp người Việt thích nghi cao với mọi tình huống, nhưng đồng thời cũng mang lại thói xấu là:

A. Thói đồ ky, cào bằng

B. Thói dựa dẫm, ỷ lại

C. Thói tùy tiện

D. Thói bè phái

6. Xét dưới góc độ triết lý âm dương, loại hình văn hoá gốc nông nghiệp được gọi là:

A. Văn hoá trọng dương

C. Cả hai đúng

B. Văn hoá trọng âm

D. Cả hai sai

7. Dưới góc độ triết học, nội dung của triết lý âm dương bàn về:

A. Hai tố chất cơ bản tạo ra vũ trụ và vạn vật

B. Bản chất chuyển hoá của vũ trụ và vạn vật

C. Các cặp đối lập trong vũ trụ

D. Quy luật âm dương chuyển hoá

8. Câu tục ngữ “Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời” phản ánh quy luật nào của triết lý âm dương?

A. Quy luật về bản chất các thành tố

B. Quy luật về quan hệ giữa các thành tố

C. Quy luật nhân quả

D. Quy luật chuyển hoá

9. Biểu tượng âm dương truyền thống lâu đời của người Việt là:

A. Công cha nghĩa mẹ

C. Biểu tượng vuông tròn

B. Con Rồng Cháu Tiên

D. Ông tơ bà Nguyệt

10. Việc nhận thức rõ hai quy luật của triết lý âm dương đã mang lại ưu điểm gì trong quan niệm sống của người Việt?

A. Sống hài hoà với thiên nhiên

B. Giữ sự hài hoà âm dương cơ thể

C. Giữ gìn sự hoà thuận, sống không mất lòng ai

D. Triết lý sống bình quân